TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 229/2023/HC-PT
Ngày 06 tháng 4 năm 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 524/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh ĐB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3019/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP: Ông Nguyễn Đạt L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ĐBP (Văn bản ủy quyền số 682/UBND-VP ngày 12/4/2022).

2.3. Phó Chủ tịch phụ trách Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (14 người)

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tiến Th (Là người khởi kiện, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm).

(Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến Th có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2022; các đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn Tiến Th (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Năm 2016, ông Nguyễn Tiến Th và các thành viên trong gia đình (gồm vợ, con đẻ, mẹ đẻ, em ruột và doanh nghiệp tư nhân của ông Th) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 2.935m^2 đất từ ông Nguyễn XD (gồm 835m^2 đất mua của ông D, cộng 2.100m^2 đất của người khác nhờ ông Th mua giúp) và nhận của ông Lê VM 570m^2 đất nông nghiệp thuộc các thửa đất số 17,40,50 tờ bản đồ số 314b1 (là tờ bản đồ 88 phường HL và 15, 16 phường NB năm 2010); có lập hợp đồng chuyển nhượng và thỏa thuận ghi ngày trong hợp đồng là 15/02/2014; hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, ông Th đã nhận đất vào cuối năm 2016. Sau đó, ông Th đã phân chia 835m^2/2.935m^2 đất cho các thành viên trong gia đình (06 người), mỗi người 100m^2. Sau khi làm xong hợp đồng chuyển nhượng, ông Th làm các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất nhưng không được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận vì lý do toàn bộ diện tích đất trên nằm trong quy hoạch.

Tổng diện tích 835m^2 đất mua của ông D được xác định tại Biên bản về việc thống nhất diện tích đất đã bán ngày 15/7/2018, bà L đại diện đứng tên mua của ông D. Trong đó, 435m^2 có hợp đồng chuyển nhượng được chính quyền địa phương chứng thực nhưng không làm được GCNQSD đất ở với lý do "đất trong quy hoạch" (thể hiện tại Hợp đồng số 1108/CN ngày 06/02/2002 diện tích 255m^2 và Hợp đồng số 1316/CN ngày 06/02/2002 diện tích 180m^2); diện tích đất 400m^2 mua năm 2016, hợp đồng được bên mua và bên bán thực hiện xong việc trả tiền, nhận đất cuối năm 2016, ghi ngày 15/02/2014 nhưng chưa được chính quyền địa phương chứng thực với lý do chính quyền nói "đất trong quy hoạch".

Diện tích 570m^2 đất mua của ông M theo hợp đồng hai bên đã thực hiện xong việc trả tiền, nhận đất vào cuối năm 2016, ghi ngày ngày 20/5/2014 nhưng chưa được chính quyền chứng thực, với lý do "đất trong quy hoạch".

Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố ĐBP đã thu hồi toàn bộ diện tích đất nêu trên, cụ thể:

Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường vành đai 2 thì phần diện tích 570m^2 đất nằm trong tổng diện tích thu hồi 2.055,6m^2 mang tên ông Lê VM số 641/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 nhưng chưa ra quyết định phê duyệt phương án

bồi thường và không thực hiện, cũng không ra quyết định hủy Quyết định số 641/QĐ-UBND. Khi nhà nước tiếp tục thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khung thì phần diện tích 570m^2 đất (đo lại 564m^2) trên ô đất ở số 11, 12, 13, 14, 15, TMDV-17.1 mang tên ông Lê VM số 1155/QĐ-UBND ngày 12/9/2019.

Khi nhà nước tiếp tục thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khung thì có một phần diện tích trong 435m^2 đất mua ngày 06/02/2002 nằm trên vỉa hè; phần còn lại nằm trên các ô đất ở số 18, 19, 01, 02, 03, 04 mang tên Phạm Thị KL (vợ ông Th) số 1608/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 thay Quyết định số 346/QD-UBND ngày 07/02/2018, Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 điều chỉnh bổ sung Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 07/02/2018. Nội dung chính của quyết định bồi thường 435m^2 là: "Bồi thường hỗ trợ về đất 435m^2 = 192.484.300 đồng; về tài sản vật kiến trúc = 592.225.349 đồng, cây trồng vật nuôi = 2.085.952 đồng; hỗ trợ di chuyển = 870.000 đồng; không được tái định cư mà chỉ được giao 1 suất đất ở có thu tiền". Phần diện tích đất 400m^2 (và 2100m^2 đất của người khác nhờ ông Th mua của ông D) lúc đầu nằm trong Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 mang tên bà Phạm Thị KL, sau nằm trong tổng diện tích thu hồi 2579,8m^2 mang tên ông Nguyễn XD số 1609/QĐ-UBND ngày 07/11/2018.

Việc UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất của ông D, ông M và bồi thường, hỗ trợ cho ông D, ông M đối với diện tích đất gia đình ông Th đã mua là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Do đó, ông Th đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các quyết định thu hồi và bồi thường cho gia đình ông (đối với diện tích đất 435 m^2), yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất mang tên ông D và ông M (đối với diện tích đất ông Th mua của ông D, ông M năm 2016). Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh ĐB đã xét xử sơ thẩm tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 25/8/2021, theo đó bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th. Ông Th đã kháng cáo và đang chờ TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Trong thời gian chờ TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 25/8/2021 của TAND tỉnh ĐB, UBND thành phố ĐBP đã ban hành các quyết định giao đất cho người khác trên diện tích đất ông Th đã mua của ông D, ông M là trái quy định tại Điều 53 Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, đầu năm 2021 ông Th đổ cát, sỏi lên diện tích 435m^2 đất với mục đích để giữ đất. Phó Chủ tịch UBND phường HL ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2021; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 06/QĐ-CCXP ngày 03/8/2021, Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th (lần đầu). Ông Th không đồng ý với các Quyết định trên vì cho rằng: số vật liệu xây dựng cát, sỏi ông Th đã tập kết gồm 06 đống cát, sỏi trên phần đất mua của ông D vào năm 2002 và năm 2016, tổng diện tích tập kết vật liệu là 195m^2. Do đó, UBND phường HL lập biên bản vi phạm hành chính, sau đó ra quyết định xử phạt hành chính đối với ông Th là không đúng với quy định tại Điều

53 Luật Đất đai 2013; trong quá trình thực hiện, ông Th đã tự nguyện chấp hành, di dời toàn bộ 06 đống vật liệu cát, sỏi theo quyết định cưỡng chế của UBND phường HL, đến nay diện tích đất trên đều là mặt bằng sạch nhưng ông Th vẫn khởi kiện vì cho rằng các quyết định hành chính của UBND thành phố và UBND phường là không đúng quy định của pháp luật về căn cứ pháp lý và nội dung (ban hành khi chưa có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án); ông Th nhất trí về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu ban hành các quyết định hành chính nêu trên.

Đối với Quyết định giao đất làm nhà ở cho bà Phạm Thị KL (vợ ông Th) tại Điểm tái định cư Khe Chít 2, phường NB, ông Th cho rằng Quyết định này không đúng vì gia đình ông đủ điều kiện được giao đất ở tái định cư tại chỗ tại Điểm tái định cư số 3, phường HL theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai 2013.

Vì vậy, ông Th đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy các Quyết định giao đất làm nhà ở của UBND thành phố ĐBP, gồm:

- Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 về việc giao đất làm nhà cho bà Lường Thị H tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

- Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 về việc giao đất làm nhà cho ông Lường Văn M1 và bà Bế Thị C tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

- Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 về việc giao đất làm nhà cho bà Lường Thị T1 tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

- Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 về việc giao đất làm nhà cho bà Phạm Thị KL tại Điểm tái định cư Khe Chít 2, phường NB, thành phố ĐBP.

2. Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2021 của Phó Chủ tịch UBND phường HL, thành phố ĐBP.

3. Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 06/QĐ-CCXP ngày 03/8/2021 của Phó Chủ tịch UBND phường HL, thành phố ĐBP.

4. Hủy Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Phó Chủ tịch UBND phường HL, thành phố ĐBP về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th, địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB (lần đầu).

5. Hủy Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th (lần hai).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Tiến Th bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Hội đồng xét xử hủy các quyết định giao đất làm nhà ở của UBND thành phố ĐBP, gồm: Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 02/6/2020; Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 02/6/2020; Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 16/4/2021; Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 16/4/2021; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 16/4/2021; Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 cho một số hộ dân tại Điểm tái định cư số 3, phường HL. Lý do: Diện tích đất giao cho những người này nằm trong tổng diện tích đất ông Th mua của ông D và ông M năm 2016, ông Th đã khởi kiện vụ án hành chính và đang chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính phúc

thẩm của TAND cấp cao tại Hà Nội. Ngoài ra, ông Th đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố phải trả lại phần diện tích đất (ông Th mua của ông M, ông D) trong hạn mức đất ở cho 7 hộ gia đình (gồm mẹ, vợ, anh, em, con của ông Th).

2. Ý kiến của người bị kiện:

2.1. Tại Văn bản số 72/CV-UBND ngày 09/5/2022, người đại diện hợp pháp của UBND phường HL trình bày:

Căn cứ vào các Văn bản số 1070/UBND-VP ngày 14/6/2021 của UBND thành phố, Văn bản số 22/CV-QLDA ngày 28/6/2021 của Ban quản lý dự án các công trình thành phố ĐBP, Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố, Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh ĐB: UBND phường HL đã xác minh thực trạng và lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tiến Th về hành vi đổ cát, sỏi trên đất đã giao cho người khác quản lý. Sau đó, Phó Chủ tịch phụ trách UBND phường HL đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2021 nhưng ông Th không chấp hành nên ngày 03/8/2021 Phó Chủ tịch phụ trách UBND phường HL ban hành Quyết định số 06/QĐ-CCXP ngày 03/8/2021 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 16/8/2021, UBND phường HL tiếp tục vận động ông Th và ông Th đã tự nguyện thi hành Quyết định. Cùng ngày, UBND phường HL phối hợp với Ban quản lý dự án các công trình thành phố ĐBP hỗ trợ gia đình ông Th di dời cát, sỏi, trả lại mặt bằng cho Ban quản lý dự án.

Ngày 12/8/2021, ông Th có đơn khiếu nại đối với Quyết định xử phạt và Quyết định cưỡng chế của Phó Chủ tịch phụ trách UBND phường HL. UBND phường HL đã thụ lý, tổ chức kiểm tra, xác minh, đối thoại với ông Th. Ngày 06/10/2021, Phó Chủ tịch phụ trách UBND phường HL đã ra Quyết định số 786/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Th, theo đó giữ nguyên toàn bộ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2021 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 06/QĐ-CCXP ngày 03/8/2021.

Ngày 13/10/2021 ông Th gửi đơn khiếu nại lần hai lên UBND thành phố ĐBP. Ngày 02/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố ĐBP ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung: Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Th, giữ nguyên Quyết định số 786/QĐ-UBND của Phó Chủ tịch UBND phường HL.

Việc ông Th khởi kiện cho rằng UBND phường HL đã vi phạm về căn cứ pháp lý và nội dung khi ban hành quyết định là không có căn cứ, vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Th.

2.2. Tại Công văn số 1058/UBND-TP ngày 01/6/2022 và Văn bản số 1502/UBND-TNMT ngày 29/7/2022, UBND thành phố ĐBP có ý kiến như sau:

(1) Việc ban hành các quyết định giao đất làm nhà ở của UBND thành phố ĐBP:

Trên cơ sở Quyết định thu hồi đất số 347/QĐ-UBND ngày 07/02/2018; Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố đối với ông Nguyễn XD và Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 15/11/2018 của ông Nguyễn XD cho Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố đã thực hiện việc giao đất cho các hộ dân như sau:

Ngày 15/3/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung, khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18 phường HL (Điểm tái định cư số 3) đợt 4. Theo đó:

- Hộ gia đình bà Lường Thị H bị thu hồi 1.009,2m^2 (trong đó 50m^2 đất ở đô thị, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm 959,2m^2) và được phê duyệt 01 suất đất tái định cư theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh ĐB.

- Hộ gia đình ông Lường Văn M1, bà Bế Thị C bị thu hồi 1.041,4m^2 (trong đó 200,0m^2 đất ở đô thị, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm 841,4m^2) và được phê duyệt 01 suất đất tái định cư theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai 2013.

- Hộ gia đình bà Lường Thị T1 bị thu hồi 100,4m^2 (trong đó 50,0m^2 đất ở đô thị; đất nông nghiệp trồng cây lâu năm 50,4m^2) và được phê duyệt 01 suất đất tái định cư theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh ĐB.

Trên cơ sở các hộ gia đình đã được phê duyệt tái định cư, kết quả phiếu bốc thăm nhận đất làm nhà ở, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 475/TTr-TNMT ngày 30/8/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho 5 trường hợp để thực hiện dự án đường 60m, hạ tầng kỹ thuật khung (trong đó có trường hợp bà Lường Thị H, ông Lường Văn M1, bà Lường Thị T1).

UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 74/QĐ-UBND, Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 30/8/2021; Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 về việc giao đất làm nhà ở cho bà Lường Thị H, ông Lường Văn M1 (bà Bế Thị C), bà Lường Thị T1 tại Điểm tái định cư số 3, phường HL, thành phố ĐBP là đúng theo Thông báo số 43-TB/TU ngày 17/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ĐB; Thông báo số 72-TB/VPTU ngày 18/10/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy ĐB; Thông báo số 157/TB-UBND ngày 23/3/2017 của UBND thành phố ĐBP; Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND thành phố ĐBP về việc phê duyệt quy chế bốc thăm giao đất tái định cư tại các Điểm tái định cư số 1,2,3 thuộc địa bàn phường HL, thành phố ĐBP là đúng quy định.

- Đối với Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho bà Phạm Thị KL tại Điểm tái định cư Khe Chít 2, phường NB, thành phố ĐBP.

Ngày 07/02/2018 UBND thành phố ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND

về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung, khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18 phường HL, thành phố ĐBP (Điểm tái định cư số 3) đợt II. Theo đó, hộ gia đình bà Phạm Thị KL bị thu hồi 2.914,2m^2 đất nông nghiệp trồng cây hàng và được phê duyệt 01 suất đất ở không thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ (không thuộc trường hợp được tái định cư theo quy định).

Trên cơ sở hộ gia đình đã được phê duyệt duyệt 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá, kết quả phiếu bốc thăm nhận đất làm nhà ở, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 594/TTr-TNMT ngày 07/10/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho 2 trường hợp để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khung (trong đó có trường hợp bà Phạm Thị KL).

Căn cứ Thông báo số 157/TB-UBND ngày 23/2/2017 UBND thành phố ĐBP về địa điểm bố trí tái định cư và Quy định ưu tiên bố trí tái định cư đối với các hộ dân tái định cư dự án đường 60 mét và dự án Hạ tầng kỹ thuật khung, ngày 07/10/2021 UBND thành phố ĐBP ban hành Quyết định số 437/QĐ-UBND về việc giao đất làm nhà ở cho bà Phạm Thị KL tại Điểm tái định cư Khe Chít 2, xã NB là đúng đối tượng, phù hợp với quy định.

- Đối với nội dung ông Th cho rằng diện tích đất UBND thành phố ĐBP giao cho một số hộ dân tại Điểm tái định cư số 3, phường HL, thành phố ĐBP là đất của gia đình ông Th mua của ông Lê VM vào cuối năm 2016 với diện tích 570m^2, nhưng chưa có quyết định thu hồi và bồi thường cho gia đình ông Th:

Theo các giấy tờ về đất tại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Điểm tái định cư số 3 và dự án Hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn tổ dân phố 8, phường HL (ông Lê VM có đơn đề nghị xác minh nguồn gốc đất được UBND phường NB xác nhận ngày 20/6/2017 có nguồn gốc đất bố mẹ cho năm 1990, sử dụng ổn định, không tranh chấp), Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập Tổ công tác liên ngành, kèm theo Tờ trình số 247/TTr-TCTLN ngày 09/9/2019 và Báo cáo thuyết minh số 202/BC-TCTLN ngày 09/9/2019 của Tổ công tác theo Quyết định số 875 và Quyết định số 1525 của UBND tỉnh ĐB thẩm định tờ trình của UBND thành phố ĐBP phê duyệt phương án thì diện tích 564m^2 đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số 93, 94, tờ bản đồ số 01 được tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và Tổ công tác liên ngành tại Quyết định số 875 và Quyết định số 1525 của UBND tỉnh ĐB xác định, lập và thẩm định là đất của ông Lê VM. Các hợp đồng chuyển nhượng QSD đất năm 2016 giữa ông Th với gia đình ông M, gia đình ông D là do ông Th lập và ghi lùi mốc thời gian vào năm 2014, các hợp đồng này không được các cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật về đất đai, chưa được cấp GCNQSDĐ. Như vậy, việc ông Th chia tách đất để chuyển nhượng cho các anh, chị, em, vợ, con, đã vi phạm điểm đ mục 1 Chỉ thị số 03 ngày 01/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thủ tục chuyển nhượng QSDĐ chưa

đảm bảo quy định tại các Điều 502, 503 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng QSDĐ theo quy định tại Điều 406, 500 Bộ luật Dân sự; các khoản 1, 2 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Th với ông M, ông D và việc ông Th phân chia đất trong gia đình chưa có hiệu lực pháp luật nên UBND thành phố ĐBP xác định "Chủ sử dụng hợp pháp là ông Lê VM và ông Nguyễn XD", không có căn cứ nào xác định và quy chủ đất đó cho gia đình ông Th.

Như vậy, UBND thành phố ĐBP ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông D và ông M là hợp pháp. Nội dung này ông Th đã khởi kiện ra Tòa án và tại Bản án số 06/2021/HC-ST ngày 25/8/2021 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại, Tòa án nhân dân tỉnh ĐB đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Th.

* Đối với Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Phó Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th (lần 2):

Ngày 13/10/2021, UBND thành phố nhận được đơn khiếu nại lần 2 của ông Th yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Phó Chủ tịch phụ trách UBND phường HL, thành phố ĐBP (lần đầu).

Ngày 20/10/2021, UBND thành phố ban hành Thông báo số 2043/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần 2 và Quyết định số 4126/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của công dân (lần hai) đối với ông Nguyễn Tiến Th.

Ngày 30/11/2021, phòng Tư pháp có Báo cáo số 37/BC-TP về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th.

Ngày 02/12/2021, Phó Chủ tịch UBND thành phố (được Chủ tịch ủy quyền) đã đối thoại với ông Nguyễn Tiến Th. Trên cơ sở Báo cáo xác minh và Biên bản đối thoại ngày 02/12/2021, Phó Chủ tịch UBND thành phố ĐBP đã ban hành Quyết định số 4532/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2), theo đó không công nhận toàn bộ khiếu nại của ông Th, giữ nguyên Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Phó Chủ tịch phụ trách UBND phường HL về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Việc ban hành Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th (lần 2) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tiến Th. Do đó, UBND thành phố ĐBP đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Th.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tại bản tự khai ngày 13/7/2022, ông Lường Văn M1 và bà Bế Thị C trình bày:

Gia đình ông M1, bà C không có bất kỳ mối quan hệ nào với ông Th. Nguồn

gốc đất của gia đình ông M1, bà C trước khi thu hồi là đất gia đình khai Hng từ năm 1980, UBND thành phố ĐBP đã thu hồi 1.041,4m^2 đất của gia đình ông bà để làm khu tái định cư và cấp đất cho gia đình ông bà tại Điểm tái định cư số 3, Tổ 8, phường HL theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 30/8/2021, hiện nay gia đình ông bà đã xây dựng nhà ở trên phần đất đó.

Ông M1, bà C xác định ông Nguyễn Tiến Th khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giao đất của UBND thành phố cho gia đình ông bà là không đúng, vì gia đình ông bà không có tranh chấp đất với ông Th; gia đình ông bà đủ điều kiện được giao đất tái định cư tại chỗ nên UBND thành phố giao đất cho gia đình ông bà là hoàn toàn hợp pháp.

3.2. Tại bản tự khai ngày 18/8/2022, ông Nguyễn XD trình bày:

Gia đình ông D sinh sống tại Tổ 18, phường HL, thành phố ĐBP từ năm 1985 đến năm 2018 thì chuyển đi nơi khác vì đất bị nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng Điểm tái định cư số 3 và Hạ tầng kỹ thuật khung. Trước khi bị thu hồi đất, ông D có 02 lần chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Th, bà L cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 06/02/2002, chuyển nhượng cho ông Th, bà L 435m^2 với giá 100.000.000 đồng nhưng ông Th, bà L tách thành 02 hợp đồng: *hợp đồng thứ nhất,* ông D chuyển nhượng cho bà L 255m^2 đất thuộc thửa 149 và thửa 155 (đất ao cá và đất lúa) với giá 15.000.000 đồng, hai bên đã thực hiện các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; *hợp đồng thứ hai,* cùng ngày 06/02/2002, bà Hữu (vợ ông D) chuyển nhượng cho bà L 180m^2 đất vườn (liền kề với 255m^2 đã chuyển nhượng nêu trên) với giá 15.000.000 đồng, hai bên đã thực hiện các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

- Lần 2: Vào ngày 22/12/2016, ông D tiếp tục chuyển nhượng cho ông Th 2.500m^2 đất nông nghiệp (đất ao, lúa...) liền kề với diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà L trước đây với giá 1.800.000.000 đồng. Tại thời điểm chuyển nhượng, hai bên không lập giấy tờ mà chỉ thỏa thuận, trao đổi miệng; ông Th đã trả cho ông D 1.300.000.000 đồng và xin nợ lại số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng; ông Th đã lập Hợp đồng và đưa cho ông D ký, hai bên thỏa thuận mọi thủ tục chuyển nhượng sẽ do ông Th tự làm.

Trước khi bán đất, ông D nói với ông Th đất đó đã có thông báo thu hồi đất nhưng ông Th vẫn quyết định mua và ông Th nói rằng có mối quan hệ với người có thẩm quyền nên có thể làm được thủ tục chuyển nhượng và cấp GCNQSDĐ. Sau khi thỏa thuận tổng giá trị chuyển nhượng đất là 1,8 tỷ đồng, hai bên nhất trí giao kết việc mua bán đất, ông D đã nhận tiền và bàn giao 2.500m^2 đất cho ông Th. Sau khi mua đất, ông Th đã chia tách thành 25 thửa và bán cho nhiều người. Ông Th trực tiếp mang khoảng 20 bộ Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vào nhà cho ông D ký. Mặc dù không biết những người có tên trong hợp đồng là ai nhưng để tạo điều kiện cho ông Th làm thủ tục chuyển nhượng thuận lợi nên ông D đã ký tên vào các hợp đồng đó. Thời gian trong hợp đồng, ông Th viết lùi lại năm 2014.

Trước đó, gia đình ông D đã được kiểm đếm tài sản trên đất và đã nhận quyết định thu hồi đất vào ngày 06/12/2016, diện tích đất thu hồi là 3.095m^2 (trong đó có 2.500m^2 đất chuyển nhượng cho ông Th vào ngày 22/12/2016).

Khi nhà nước yêu cầu kê khai, kiểm đếm tài sản, ông D khai phần đất 2.500m^2 đã bán cho ông Th nhưng ông Th không nhận là mua đất của ông D và từ chối quy chủ đất sang tên mình nên cơ quan nhà nước đã căn cứ vào chủ sử dụng đất hợp pháp để thực hiện thu hồi và bồi thường. Theo đó, gia đình ông D được nhà nước bồi thường hơn 800 triệu đồng và 03 suất đất tái định cư.

Ông Th đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1609/QĐ-KPHQ ngày 07/11/2018 của UBND thành phố ĐBP về việc thu hồi đất của gia đình ông D. TAND tỉnh ĐB đã xét xử sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th. Nay ông Th tiếp tục khởi kiện vụ án hành chính, ông D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.3. Tại bản tự khai ngày 18/8/2022, ông Lê VM trình bày:

Khoảng tháng 12/2016, ông M có chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa chỉ phường HL, thành phố ĐBP cho ông Nguyễn Tiến Th với diện tích 570m^2 đất nông nghiệp. Khi bán đất cho ông Th thì UBND phường HL, thành phố ĐBP đã tổ chức họp để thông báo cho người dân trong phường biết về khu đất nằm trong quy hoạch. Khi thực hiện chuyển nhượng QSDĐ cho ông Th, ông M đã nói rõ cho ông Th biết về việc diện tích đất này nằm trong quy hoạch nhưng ông Th vẫn quyết định mua.

Giao dịch chuyển nhượng QSDĐ hai bên không lập thành Hợp đồng mà chỉ lập bảng kê diện tích đất đã bán. Thời điểm hai bên thực hiện giao dịch là vào tháng 12/2016 (không nhớ rõ ngày cụ thể vì thời gian đã quá lâu). Ông M chỉ ký vào bảng kê diện tích đất đã bán cho ông Th, ngoài ra không ký vào bất cứ hợp đồng nào khác liên quan đến việc mua bán diện tích đất này.

Giao dịch chuyển nhượng QSDĐ là hoàn toàn tự nguyện. Ông M đã nhận đủ số tiền 450.000.0000 đồng từ ông Th và ông Th đã nhận bàn giao đất. Việc nhận tiền, bàn giao mặt bằng được thực hiện ngay sau khi ông M ký tên vào bảng kê diện tích đất. Khi bàn giao đất, ông M hỏi ông Th có cần người làm chứng để chứng kiến việc giao đất giữa hai bên hay không thì ông Th trả lời không cần, chỉ cần hai bên tiến hành việc giao đất với nhau là được. Ông M đã chỉ cho ông Th mốc giới thửa đất trên thực địa, hiện trạng trên đất lúc đó không có công trình xây dựng, vật kiến trúc mà chỉ có một số bụi tre, gốc chuối, cây ăn quả. Sau khi nhận đất, ông Th đã quản lý sử dụng từ 12/2016 đến nay.

Quá trình thực hiện thu hồi đất, UBND thành phố ĐBP đã quy chủ diện tích đó cho gia đình ông M vì đang là chủ sử dụng đất hợp pháp. Tuy nhiên, tiền đền bù thu hồi đối với diện tích đất đã bán cho ông Th, đến nay gia đình ông M không nhận mà để cho ông Th nhận. Gia đình ông M chỉ nhận tiền bồi thường đối với phần diện tích đất của gia đình chưa bán.

Trước đó, ông Th đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND thành phố ĐBP về việc thu hồi đất của gia đình ông M. Tòa án nhân dân tỉnh ĐB đã xét xử sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Th. Nay ông Th tiếp tục khởi kiện vụ án hành chính vẫn liên quan đến diện tích đất đã thu hồi tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND nêu trên, ông M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022, Toà án nhân dân tỉnh ĐB đã quyết định:

Căn cứ Điều 86 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 28, 38, 54, 57, khoản 1 và 2 Điều 58, khoản 1 Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm Hành chính năm 2012; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định Chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 22/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Biểu mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Th, cụ thể như sau:

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy các Quyết định giao đất làm nhà ở của UBND thành phố ĐBP, gồm:

+ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho bà Lường Thị H tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho ông Lường Văn M1 và bà Bế Thị C tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 về việc giao đất làm nhà ở cho bà Lường Thị T1 tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 về việc giao đất làm nhà ở cho ông Phạm Đình Đ tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 về việc giao đất làm nhà ở cho ông Đỗ Văn T tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho ông Lầu A T tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho ông Lầu A V tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho ông Lầu A Th1 tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho ông Đỗ Ngọc T2 tại Điểm tái định cư số 3, phường HL;

+ Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho bà Phạm Thị KL tại Điểm tái định cư Khe Chít 2, phường NB.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy các Quyết định hành chính của Phó Chủ tịch phụ trách UBND phường HL, thành phố ĐBP, gồm:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2021;

+ Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 06/QĐ-CCXP ngày 03/8/2021;

+ Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th, địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB (lần đầu).

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th (lần hai).

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố ĐBP trả lại đất ở trong hạn mức đất ở cho 07 hộ gia đình.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Tiến Th và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự.

5. Kháng cáo:

Ngày 10/10/2022, người khởi kiện là ông Nguyễn Tiến Th có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Ông Nguyễn Tiến Th giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và trình bày ông giữ nguyên phần trình bày tại văn bản đã gửi cho Thư ký. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

6.2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng phía người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, những người khác đã ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến Th hoặc vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số đương sự là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đã xác định Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Tiến Th là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không chứng minh được nội dung kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tiến Th và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh ĐB về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đa chức năng dọc trục đường 60m; Bản đồ quy hoạch sử dụng đất Khu đa chức năng dọc trục đường 60m; Thông báo số 43-TB/TU ngày 17/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ĐB; Thông báo số 72-TB/VPTU ngày 18/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ĐB; Thông báo số 157/TB-UBND ngày 23/3/2017 của UBND thành phố ĐBP; Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND thành phố ĐBP về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung, khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18 phường HL, thành phố ĐBP (Điểm tái định cư số 3); Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND thành phố ĐBP về việc phê duyệt quy chế bốc thăm giao đất tái định cư tại các Điểm tái định cư số 1,2,3 thuộc địa bàn phường HL, thành phố ĐBP; căn cứ vào kết quả bốc thăm của các hộ dân và trên cơ sở Quyết định thu hồi đất số 347/QĐ-UBND ngày 07/02/2018, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1069/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND thành phố ĐBP đối với ông Nguyễn XD: Ngày 02/6/2020 UBND thành phố đã ban hành các

Quyết định giao đất số 39/QĐ-UBND cho ông Phạm Đình Đ, số 40/QĐ-UBND cho ông Đỗ Văn T2; ngày 28/8/2020 ban hành Quyết định giao đất số 09/QĐ-UBND cho bà Lường Thị T1; ngày 16/4/2021 ban hành Quyết định giao đất số 15/QĐ-UBND cho ông Lầu A T, Quyết định số 16/QĐ-UBND cho ông Lầu A V và Quyết định số 17/QĐ-UBND cho ông Lầu A Th1; ngày 30/8/2021 ban hành Quyết định giao đất số 74/QĐ-UBND cho bà Lường Thị H, Quyết định số 76/QĐ-UBND cho ông Lường Văn M1 và bà Bế Thị C; ngày 11/11/2021 ban hành Quyết định giao đất số 995/QĐ-UBND cho ông Đỗ Ngọc T2 tại Điểm tái định cư số 3, phường HL và ngày 07/10/2021 ban hành Quyết định số 437/QĐ-UBND về việc giao đất làm nhà cho bà Phạm Thị KL tại Điểm tái định cư Khe Chít 2, phường NB, thành phố ĐBP.

[1] Xét nội dung khiếu kiện của ông Nguyễn Tiến Th yêu cầu hủy toàn bộ các Quyết định giao đất số 39/QĐ-UBND, số 40/QĐ-UBND, số 09/QĐ-UBND, số 15/QĐ-UBND, số 16/QĐ-UBND, số 17/QĐ-UBND, số 74/QĐ-UBND, số 76/QĐ-UBND và số 995/QĐ-UBND nêu trên thì thấy:

[1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành các quyết định bị khiếu kiện: Mặc dù đã được ông Th nhất trí, nhưng để xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử đã xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy UBND thành phố ĐBP đã ban hành các Quyết định giao đất nêu trên là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2013; trình tự, thủ tục giao đất bảo đảm đầy đủ và đúng quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013, Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[1.2] Về nội dung các quyết định bị khiếu kiện:

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Tiến Th thì toàn bộ diện tích đất mà UBND thành phố ĐBP đã giao đất làm nhà ở cho các hộ dân tại các Quyết định trên là do gia đình ông đã nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn XD và ông Lê VM năm 2002 và năm 2016 nhưng chưa có quyết định thu hồi và bồi thường theo quy định. Căn cứ vào các tài liệu về nguồn gốc đất và thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với diện tích 435m^2 đất gia đình ông Th nhận chuyển nhượng của ông D năm 2002: Diện tích đất này sau khi thu hồi của gia đình ông Th đã được sử dụng một phần diện tích để làm đường, vỉa hè, trồng cây xanh; một phần làm Điểm tái định cư số 3 đã được UBND thành phố ĐBP giao cho các hộ Lường Thị H, Lường Văn M1, Lường Thị T1. UBND thành phố ĐBP đã chi trả tiền bồi thường cho gia đình ông Th và giao 01 suất đất có thu tiền không qua đấu giá cho gia đình ông Th; gia đình ông Th đã nhận tiền bồi thường nhưng chưa nhận đất được giao là do phía gia đình ông Th. Đất đã được giải phóng mặt bằng và bàn giao cho Nhà nước để triển khai thực hiện dự án nên việc UBND thành phố ĐBP giao đất cho các hộ gia đình nói trên để thực hiện dự án Điểm tái định cư số 3 là đúng pháp luật.

Đối với diện tích 400m^2 đất gia đình ông Th nhận chuyển nhượng của ông D năm 2016, trong đó có phần diện tích UBND thành phố ĐBP đã giao cho các hộ Lường Thị H, Lường Văn M1, Lường Thị T1: Hợp đồng chuyển nhượng đối với diện tích đất trên giữa ông Th với ông D không được công chứng, chứng thực, không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 6 Điều 12, điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên vô hiệu theo quy định tại Điều 128 và Điều 134 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai 2013 thì việc chuyển quyền sử dụng diện tích đất trên chưa có hiệu lực, quyền sử dụng đất vẫn là của ông D. Ông D đã được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đã bàn giao diện tích đất bị thu hồi cho nhà nước. Vì vậy, việc UBND thành phố ĐBP giao diện tích đất trên cho các hộ là không vi phạm Điều 53 của Luật Đất đai 2013 như ông Th trình bày.

Đối với diện tích 570m^2 đất mà ông Th đã nhận chuyển nhượng của ông Lê VM vào năm 2016, UBND thành phố ĐBP giao cho các hộ Đỗ Văn T1, Đỗ Ngọc T2, Lầu A T, Lầu A V, Lầu A Th1, Phạm Đình Đ: Ông Th nhận chuyển nhượng diện tích đất này từ ông M khi ông M chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm khoản 1 Điều 168 và điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; mặt khác, việc chuyển nhượng nêu trên không được công chứng, chứng thực và cũng không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 6 Điều 12, điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai 2013 và Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 128 và Điều 134 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai 2013 thì việc chuyển quyền sử dụng diện tích đất trên chưa có hiệu lực, quyền sử dụng đất vẫn là của ông M. Ông M đã được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đã bàn giao diện tích đất bị thu hồi cho nhà nước. Vì vậy, việc UBND thành phố ĐBP giao diện tích đất trên cho các hộ là không vi phạm Điều 53 của Luật Đất đai 2013 như ông Th trình bày.

[2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 về việc giao đất làm nhà ở cho bà Phạm Thị KL tại Điểm tái định cư Khe Chít 2 thì thấy:

Căn cứ phần xác nhận của Phòng quản lý đô thị tại các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông D với vợ chồng bà L năm 2002 và các tài liệu do UBND thành phố ĐBP cung cấp thì 435m^2 đất vợ chồng bà L nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông D là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (CLN), trên đất có nhà ở. Vì vậy, gia đình bà L có đủ điều kiện để được giao 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, đất nhà ông Th bà L bị thu hồi không phải là đất ở nên không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 79 và Điều 86 của Luật đất đai 2013 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Theo Thông báo số 157/TB-UBND ngày 23/02/2017 của UBND thành phố ĐBP về địa điểm bố trí tái định cư và quy định ưu tiên bố trí tái định cư đối với các hộ dân tái định cư thuộc Dự án đường 60m và Dự án hạ tầng kỹ thuật khung thì đối tượng được bố trí tái định cư tại Điểm tái định cư số 3 là: *"các hộ có đất bị thu hồi thuộc Dự án đường 60m và Dự án hạ tầng kỹ thuật khung đủ điều kiện tái định cư và đã sử dụng đất ở ổn định từ trước ngày 01/7/2004..."*. Như vậy, gia đình ông Th bà L không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư tại Điểm tái định cư số 3 mà thuộc đối tượng được bố trí đất ở tại Điểm tái định cư Khe Chít 1 và Khe Chít 2 (theo tiểu mục 1.6 Thông báo số 157/TB-UBND ngày 23/02/2017 của UBND thành phố ĐBP). Do đó, việc UBND thành phố ĐBP ban hành Quyết định định số 437/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 giao đất làm nhà ở cho bà Phạm Thị KL tại Điểm tái định cư Khe Chít 2 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với nội dung khiếu kiện của ông Nguyễn Tiến Th yêu cầu hủy các Quyết định của Phó Chủ tịch UBND phường HL (gồm: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2021, Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 06/QĐ-CCXP ngày 03/8/2021, Quyết định giải quyết khiếu nại của ông nguyễn Tiến Th (lần đầu) số 786/QĐ-UBND ngày 06/10/2021) và Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th (lần 2), Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo kết quả phân tích tại mục [1] ở trên đã xác định, diện tích 400m^2 đất ông Th nhận chuyển nhượng của ông D năm 2016 và diện tích 570m^2 đất ông Th nhận chuyển nhượng của ông M cũng vào năm 2016 đều không tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên quyền sử dụng các diện tích đất trên vẫn thuộc của gia đình ông D, ông M. Năm 2018, UBND thành phố ĐBP đã có quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông D và ông M; hai ông cũng đã bàn giao đất cho Hội đồng giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Do đó, việc tháng 3/2021 ông Th đổ vật liệu xây dựng gồm 06 đống cát, sỏi trên diện tích 195m^2 tại phần đất đã thu hồi của ông D do Ban quản lý dự án quản lý là hành vi vi phạm pháp luật. UBND phường HL đã tiến hành lập biên bản, đồng thời yêu cầu ông Th di chuyển số cát sỏi đó ra khỏi diện tích đất nói trên nhưng ông Th không tự nguyện chấp hành nên ngày 07/7/2021 Phó Chủ tịch UBND phường HL đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC đối với ông Nguyễn Tiến Th (hình thức xử phạt là cảnh cáo, biện pháp khắc phục hậu quả là buộc ông Nguyễn Tiến Th khôi phục lại tình trạng thửa đất trước khi vi phạm trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày 07/7/2021). Ông Th đã được UBND phường HL thông báo về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng ông Th không tự giác thi hành nên ngày 03/8/2021 Phó Chủ tịch UBND phường HL tiếp tục ban hành Quyết định số 06/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Th. Như vậy, việc Phó Chủ tịch UBND phường HL ban hành Quyết đinh xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 54, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 66, Điều

73, Điều 85, Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 12/8/2021, ông Nguyễn Tiến Th khiếu nại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2021 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 06/QĐ-CCXP ngày 03/8/2021 của Phó Chủ tịch UBND phường HL. Ngày 06/10/2021, UBND phường HL ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 786/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên 02 Quyết định nói trên của Phó Chủ tịch UBND phường HL. Ngày 13/01/2021, ông Th có đơn khiếu nại lần hai gửi Chủ tịch UBND thành phố ĐBP. Ngày 02/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố ĐBP ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4532/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Th và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 786/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Chủ tịch UBND phường HL. Như vậy, việc Chủ tịch UBND phường HL và Chủ tịch UBND thành phố ĐBP giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Th là có căn cứ và đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 14, 15, 17, 18, Mục 2 và Mục 3 Chương 3 của Luật Khiếu nại năm 2011.

[4] Tổng hợp toàn bộ kết quả phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Th về việc hủy các quyết định hành chính đều không có căn cứ pháp luật. Từ đó, không có căn cứ để buộc UBND thành phố ĐBP trả lại đất ở trong hạn mức đất ở cho 07 hộ gia đình ông như yêu cầu của ông Nguyễn Tiến Th. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Th là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính. Ông Nguyễn Tiến Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã phát biểu tại phiên tòa.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Tiến Th có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội,

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tiến Th; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh ĐB.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến Th được miễn, không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06 tháng 4 năm 2023).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cục THADS tỉnh ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền